

**NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 158-HĐBT ngày 1-6-1985 quy định tổ chức và hoạt động của các Ban thanh tra Bộ.**

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;*

*Căn cứ nghị quyết số 26-HĐBT ngày 15-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường tổ chức thanh tra và nâng cao hiệu lực thanh tra;*

*Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban thanh tra Nhà nước,*

## NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay quy định chức năng và nhiệm vụ của các Ban thanh tra Bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục và cấp tương đương (sau đây gọi chung là Bộ).

**Điều 2.** — Ban thanh tra Bộ, có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Thanh tra việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết, các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở những đơn vị trong ngành và ở các ngành, các cấp khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý Nhà nước của Bộ; phát hiện kịp thời những việc chấp hành tốt, có nhiều kinh nghiệm, những việc làm sai trái, những biểu hiện quan liêu, thiếu trách nhiệm, vô kỷ luật, tham ô, hối lộ, lãng phí, cửa quyền; đề xuất với lãnh đạo xem xét, đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm của đơn vị, cá nhân; kiến nghị các biện pháp chấn chỉnh, góp phần tăng cường hiệu lực của bộ máy quản lý, nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ.

2. Thanh tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh, công tác, thực hiện những chủ trương chính sách, chế độ, thủ tục, biện pháp kinh tế kỹ thuật, tăng cường tổ chức quản lý, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống địch phá hoại; kiến nghị những vấn đề cần giải quyết để thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ.

3. Giúp thủ trưởng Bộ, quản lý công tác xét khiếu tố, nghiên cứu, xác minh và đề nghị kết luận, giải quyết những đơn khiếu tố thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của thủ trưởng Bộ.

Hướng dẫn và kiểm tra thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, thực hiện nhiệm vụ tiếp dân và xét giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Nghiên cứu đề xuất với lãnh đạo về tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong Bộ; thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động thanh tra với Ủy ban Thanh tra Nhà nước và Ủy ban thanh tra tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương. Lập kế hoạch và tổ chức việc phối hợp hoạt động giữa Ban thanh tra với các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ. Tổng hợp tình hình kết quả thanh tra, đề xuất kiến nghị với lãnh đạo để tăng cường sự chỉ đạo thực hiện.



5. Phối hợp hoạt động thường xuyên và định kỳ trao đổi kinh nghiệm với các Ban thanh tra Nhân dân ở cơ sở.

**Điều 3. — Ban thanh tra của Bộ có quyền hạn :**

1. Trình thủ trưởng Bộ quyết định kế hoạch thanh tra hàng năm ; quyết định tổ chức đoàn thanh tra, đề nghị lãnh đạo điều động cán bộ tham gia công tác thanh tra khi cần thiết.

2. Cử cán bộ nắm tình hình, gặp gỡ các nhân chứng, nghiên cứu tài liệu của đơn vị được thanh tra. Thủ trưởng đơn vị và các cán bộ có trách nhiệm cung cấp tài liệu, báo cáo tình hình, thuyết minh sự việc có liên quan đến nội dung cần thanh tra.

3. Trưởng ban thanh tra Bộ được quyền :

— Lập biên bản tại chỗ và quyết định tạm thời đình chỉ những việc làm đang gây hoặc sẽ gây những thiệt hại nghiêm trọng về vật tư, tài sản của đơn vị, đe dọa an toàn tính mạng của cán bộ, công nhân, nhân viên hoặc gây những ảnh hưởng chính trị xấu trong nhân dân.

— Tạm thời đình chỉ công tác đối với cán bộ, công nhân, nhân viên của đơn vị được thanh tra đã có hành động cản trở việc thanh tra. Đối với cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, khi cần phải tạm thời đình chỉ công tác, trưởng ban thanh tra phải báo cáo Bộ trưởng xét, quyết định.

Đối với các cán bộ thuộc quyền quản lý, chỉ đạo của ngành khác, khi xét cần phải tạm thời đình chỉ công tác thì đoàn thanh tra phải kiến nghị với cấp quản lý cán bộ đó ra quyết định.

— Tạm thời đình chỉ thi hành các quyết định điều động, kỷ luật những cán bộ, công nhân, nhân viên đang là đối tượng của thanh tra hoặc đang là nhân chứng cho công tác thanh tra.

Những quyết định tạm thời đình chỉ nói trên chỉ có hiệu lực trong thời gian thanh tra và phải báo cáo ngay với thủ trưởng Bộ, thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị có việc làm bị đình chỉ hoặc có cán bộ bị đình chỉ công tác biết.

4. Sau mỗi cuộc thanh tra, đoàn thanh tra phải có văn bản kết luận với đơn vị được thanh tra về những việc làm đúng, sai, phân tích rõ nguyên nhân và trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị và cá nhân có liên quan. Kiến nghị những biện pháp phát huy kinh nghiệm tốt, biểu dương người có thành tích, những biện pháp giúp đỡ sửa chữa thiếu sót, những hình thức xử lý về hành chính, kinh tế hoặc về hình sự đối với đơn vị và cá nhân có sai phạm nghiêm trọng.

Ban Thanh tra phải báo cáo những kết luận, kiến nghị với thủ trưởng Bộ để xét quyết định. Trường hợp không nhất trí với những kết luận, kiến nghị của thanh tra thì Ban Thanh tra phải chấp hành theo quyết định của thủ trưởng Bộ, nhưng được quyền báo cáo với Ủy ban Thanh tra Nhà nước để xem xét.

**Điều 4. — Ban Thanh tra Bộ do một Thứ trưởng làm trưởng ban, và có từ một đến hai Phó trưởng ban.**

Ban Thanh tra Bộ làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng ban Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm trước thủ trưởng Bộ về toàn bộ công tác của Ban.

Các Bộ khi bỏ nhiệm, đề bạt, chuyển chuyên, kỷ luật đối với trưởng phó ban thanh tra Bộ phải trao đổi thỏa thuận với Ủy ban Thanh tra Nhà nước trước khi ra quyết định.

**Điều 5.** — Ban Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của thủ trưởng Bộ. Thủ trưởng Bộ có chế độ nghe Ban Thanh tra báo cáo về kết quả các hoạt động thanh tra, về việc nghiên cứu xác minh các khiếu nại tố cáo, xem xét và giải quyết các kiến nghị của thanh tra.

**Điều 6.** — Ủy ban Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn công tác và chỉ đạo về nghiệp vụ đối với các Ban Thanh tra Bộ.

Các Ban Thanh tra Bộ phải định kỳ báo cáo hoạt động của mình với Ủy Ban thanh tra Nhà nước.

**Điều 7.** — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Đối với tổ chức thanh tra tài chính và thanh tra lao động thì căn cứ vào các văn bản của Nhà nước về thanh tra tài chính, thanh tra lao động và nghị định này để thi hành.

Chủ nhiệm Ủy ban thanh tra Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện nghị định này.

**Điều 8.** — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
TỔ HỮU

## CHỨC DANH NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ trưởng Bộ Lao động số 130-LĐ/QĐ ngày 19-5-1985 Ban hành bản danh mục số 1 các chức danh đầy đủ của Ủy ban Khoa học xã hội Việt nam.

### BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

— Căn cứ quyết định số 36-CP ngày 2-2-1980 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 277-TTg ngày 1-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước;

— Căn cứ quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước;

— Căn cứ điểm 2 chỉ thị số 124-HĐBT ngày 7-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng;

— Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt nam và kết luận của Tiểu ban danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức Nhà nước ngày 13-3-1985;